

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



WHITE										BLACK									
zhou, yi xin										GONG, ZI XUAN									
GONG, ZI XUAN										CHN									
CHN										CHN									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK					
1	e4	e5	21	Ba6	Rd5	41	Rg4	g5	61	Ke3	Bb6	81	Ke3	Bb6					
2	Nf3	Nf6	22	Bc3	Qxh1	42	h4	f5	62	Ke3	Bb6	82	Ke3	Bb6					
3	Nc5	h6	23	Rf1	Rd5	43	Rd4	Bb3	63	g4	Kc4	83	g4	Kc4					
4	Nf3	Ne4	24	Rd1	Rd5	44	Rd4	f4	64	Bd2	Bc6	84	Bd2	Bc6					
5	Nf3	Nf6	25	Rd1	Rd5	45	Kf2	Rf5	65	Kf4	Bf7	85	Kf4	Bf7					
6	Rd1	Rd5	26	Bb5	Bd7	46	Re4	Kf5	66	g5	Be6	86	g5	Be6					
7	O-O	O-O	27	Bd4	Rd5	47	hxg5	hxg5	67	g6	Kb4	87	g6	Kb4					
8	NO3	NC6	28	Rd7	Bxg7	48	Re7	Bd1	68	Kg5	Bg8	88	Kg5	Bg8					
9	h3	h6	29	Bd7	Bd5	49	Rf7	Kg6	69	Kh6	Ba2	89	Kh6	Ba2					
10	Bc3	Bf5	30	Bd7	Bd5	50	Rg6	Kh5	70	Kh7	Ka4	90	Kh7	Ka4					
11	Nd4	Nd4	31	Bd7	Bd5	51	Rb6	g4	71	Q6	Bd5	91	Q6	Bd5					
12	Bd3	d5	32	Kb2	Kf7	52	fxg6	Bg6	72	Q7	Kb5	92	Q7	Kb5					
13	Bf3	Be6	33	Kb2	Kf7	53	Rf6	Kg5	73	Q7	Be3	93	Q7	Be3					
14	Nd4	Nd7	34	Kb2	Kf7	54	Rd6	Rf5	74	Kb7	Qb8	94	Kb7	Qb8					
15	Q4	dxc4	35	Kb2	Kf7	55	Rd5	Rd5	75	Bd8	Kb8	95	Bd8	Kb8					
16	Bxb7	Rb7	36	Kb2	Kf7	56	Bd5	Bf6	76	Ka8	Kf2	96	Ka8	Kf2					
17	Ba6	Cxd3	37	Re4	Rc5	57	b4	Bc4	77	Kb2	Ke3	97	Kb2	Ke3					
18	Bd3	Nb6	38	Ke3	Bc4	58	a4	Bb3	78	Ka8	b5	98	Ka8	b5					
19	Nb6	Cxb6	39	Q3	Bd5	59	Bb	Kf5	79	Kb7	a1	99	Kb7	a1					
20	Be5	Rc8	40	Rf4	Ke6	60	Kf5	Kf5	80	Ka8	Kd7	100	Ka8	Kd7					
SIGNATURE (WHITE)										SIGNATURE (BLACK)									
zhou yi xin										GONG, ZI XUAN									
CHN										CHN									

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



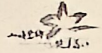
WHITE						PRED		RESULT (W)			
BLACK						PRED		RESULT (B)			
zhou, yi xin						CHN		1			
GONG, ZI XUAN						CHN		0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kd7	Kb7	21			41			61		
2	b6	Kb8	22			42			62		
3	Kc6	Kc8	23			43			63		
4	b7	Kb8	24			44			64		
5	Bf4	Ka7	25			45			65		
6	Kc2	Ka6	26			46			66		
7	b1=ab1	Ka4	27			47			67		
8	Bd2	Ka4	28			48			68		
9	Qb4#		29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)					
zhou yixi						GONG, ZI XUAN					
CHN						CHN					
						891					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



WHITE						BLACK						PID CHN		RESULT (W)	
zhou yixin						GONG, ZI XUAN						PID CHN		RESULT (B)	
GONG, ZI XUAN						CHN									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e5	21	Ba6	Ka6	41	Rd4	g5	61	Kf3	Bb6	81	Kf3	Bb6	
2	Nf3	Nf6	22	Bc3	Qd1	42	h4	f5	62	Bc2	Ke6	82	Bc2	Ke6	
3	Nc5	d6	23	Rfd1	Re2	43	Rd4	Bb2	63	Bf4	Kf5	83	Bf4	Kf5	
4	Nf3	Nc4	24	Re1	Re8	44	Rd4	Rd5	64	g4	Kc4	84	g4	Kc4	
5	d3	Nf6	25	Bc4	Rd6	45	Re4	Kf5	65	Bd2	Bc6	85	Bd2	Bc6	
6	Be2	Be2	26	Bb5	Bd7	46	Re4	Kf5	66	Kf4	Bd7	86	Kf4	Bd7	
7	O-O	O-O	27	Re7	Re7	47	h9	h9	67	g5	Be6	87	g5	Be6	
8	Nd2	Nb6	28	Be7	Bd5	48	Re7	Bd1	68	g6	Kb5	88	g6	Kb5	
9	h3	h6	29	Bd4	Q5	49	Rf7	Kg6	69	Kg5	Bg8	89	Kg5	Bg8	
10	Be2	Bf5	30	Bc3	f6	50	Rf6	Kh5	70	Kh6	Bd2	90	Kh6	Bd2	
11	Nd4	Nd4	31	Re1	Kf7	51	Re1	g4	71	Kh7	Ka4	91	Kh7	Ka4	
12	Bd4	d5	32	Kb2	Rd7	52	fg	Bg4	72	Q6	Bd5	92	Q6	Bd5	
13	Bc3	Be6	33	Kg3	Rd3	53	Rf6	Kg5	73	Q7	Kb5	93	Q7	Kb5	
14	Nd4	Nd7	34	Re3	Rd5	54	Rub	Rf5	74	Q7	Kb6	94	Q7	Kb6	
15	Q4	Qc	35	Q3	Rd5	55	Rd5	Rd5	75	Be3	Kb7	95	Be3	Kb7	
16	Bb7	Rb8	36	Kf2	Rd4	56	Bd5	Be6	76	Bg5	Bg8	96	Bg5	Bg8	
17	Ba6	Qd	37	Re1	Rc5	57	b4	Bc4	77	Kd8	Ka8	97	Kd8	Ka8	
18	Bd5	Nb6	38	Ke3	Bc4	58	Q4	Bb3	78	Kf7	Kb7	98	Kf7	Kb7	
19	Nb6	Cb	39	Q3	Bd5	59	Bd8	Kf5	79	Ke6	Kd7	99	Ke6	Kd7	
20	Bc5	Rd8	40	Rd4	Ke6	60	Q5	Bc4	80	Qb5	Kd8				
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)			
zhou yixin						GONG, ZI XUAN						Z334			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.26

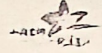
Group
608

Round
6

Board
2

WHITE ZhaYunxi						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK GUOHezi						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	gf	Qf5	41	ba	Ra4	61	c4	Kg6
2	d4	d5	22	Qd3	Nd5	42	Rb1	Rc5	62	c5	Kg5
3	Nc3	~~de~~	23	~~Qd3~~	Nd7	43	Be3	Rh5	63	Qc3	e4
4	Ne4	Bf5	24	Rg3	Ng6	44	Rb3	Rc5	64	c4	f4
5	Nb3	Bg6	25	Nf6	Nf6	45	Bc5	h5	65	Qa2	
6	Nf3	Nd7	26	Nd5	Qf5	46	Rb5	f5	66		
7	h4	h6	27	Qe4	Nd4	47	Rb5	Ra3	67		
8	h5	Bh7	28	Rd4	Nf6	48	Rd4	Rh4	68		
9	c3	Ng6	29	~~Rd4~~	Rf8	49	Rg7	Kh6	69		
10	Qb3	Qc7	30	Rh4	Qb5	50	Rg1	Ra8	70		
11	Bd2	e6	31	Bd2	Qa5	51	Bf6	Ra2	71		
12	~~Qd3~~	Bd6	32	Rh1	a4	52	Kd3	Rf2	72		
13	Ng4	Be1	33	a3	Ra8	53	Bh4	Rh2	73		
14	Ba1	0-0	34	Nc6	Rd7	54	Bg5	Kh5	74		
15	~~Bd3~~	~~Rd5~~	35	Ne5	Rd5	55	Be3	Rh3	75		
16	~~Rd3~~	~~Rd8~~	36	Rg1	Kh7	56	Kc2	Rh2	76		
17	Ne4	Bf4	37	Rh4	Nd7	57	Bf2	e5	77		
18	Kb1	c5	38	Nd7	Rd7	58	Rg8	Rh3	78		
19	g3	c4	39	Kc2	Rc8	59	Rh8	Kg4	79		
20	Qd1	cd	40	b3	Rd4	60	Rh3	Kh3	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
ZhaYunxi			GUOHezi			996					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
608

Round
6

Board
2

WHITE Zha Yunxi						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK GUO Hezi						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	gf	Qf5	41	~~Ra4~~	~~Ra4~~	61	c4	1b4
2	d4	d5	22	Qd3	~~Qd3~~	42	~~Rb1~~	~~Rb1~~	62	c5	1b5
3	Nc3	ed	23	~~Qd3~~	~~Qd3~~	43	~~Rb1~~	~~Rb1~~	63	c6	e4
4	Nxe4	Bf5	24	Rg3	Nb5	44	Rb3	Rc5	64	c7	f4
5	Nb3	Bg6	25	Nxh6	Nxh6	45	Bc5	a5	65	c8	g
6	Nf3	Nd7	26	Nd5	~~Qd3~~	46	Rb5	f5	66		
7	h4	h6	27	~~Nxh4~~	Nxh4	47	~~Rb5~~	Ra3	67		
8	h5	Bh7	28	Rd4	Nf6	48	Rb7	Rh4	68		
9	c3	Nf6	29	Rf5	Rf8	49	Rxh7	1b6	69		
10	Qb3	~~Rd7~~	30	Rh4	~~Qb5~~	50	Rb1	Ra8	70		
11	Bd2	e6	31	Bd2	a5	51	Bc6	Ra2	71		
12	O-O	Ba6	32	Ra1	a4	52	1b3	Rf2	72		
13	Rh3	Nb4	33	a3	Ra8	53	~~Bh4~~	~~Bh4~~	73		
14	Ba1	O-O	34	~~Nc6~~	Rd7	54	~~Kb5~~	~~Kb5~~	74		
15	Bd3	Bxd8	35	~~Nd5~~	Rd5	55	Be3	Rh3	75		
16	Rxd3	Rf8	36	Rb1	~~Rh7~~	56	1c2	Rb2	76		
17	NR4	Bf4	37	Rh1	Nd7	57	Bf2	e5	77		
18	1b1	c5	38	Nxh7	Rd7	58	Rg8	Rh3	78		
19	g3	c4	39	1c2	Rc8	59	Rh8	1g4	79		
20	Qd1	cd	40	b3	Rd4	60	Rxh3	1xh3	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zha Yunxi			GUO Hezi			996					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.26

Group G8

Round 06

Board 3

WHITE Wang Ying Luo						FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK zheng jiantian						FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	~~Nf3~~ Ne1	Bg7	41	f5	0b6	61	a5	h9
2	Nf3	0b6	22	~~Nd3~~ Nd3	0b6	42	fe	fe	62	a6	kg6
3	c3	Bg7	23	Nc4	Be7	43	0c3	12f7	63	a7	12f7
4	d4	cd	24	~~Nd3~~ Nd3	Bg5	44	b5	12f8	64	a8-e4	g3
5	cd	d5	25	14f1	Rb7	45	bc	Rf3	65	1c92	1c94
6	e5	Bg4	26	Nc5	Rb67	46	0b4	0a6	66	0f8	144
7	~~Bb5~~ Bb5	Nc6	27	f4	Be7	47	0b7	0b7	67	0f6	1c94
8	Bc6	bc	28	Rfcl	Bc5	48	cb	Rb3	68	12b1	145
9	Nbd2	e6	29	Rc5	kg7	49	1c92	Rb3	69	Rh1	1c94
10	0a4	ad7	30	0a3	Rb7	50	12c7	1c98	70	0f3	
11	0-0	Ne7	31	0b2	0c7	51	Rc8	Rb2	71		
12	h3	Bf3	32	0c3	0b6	52	1c91	Rb7	72		
13	Nf3	0-0	33	14h1	Rboc7	53	2f8	1c97	73		
14	~~Bb5~~ Bb5	~~Ra8~~ Ra8	34	b4	Rb7	54	12f8	Rf7	74		
15	Ra1	Rf8	35	a3	0a6	55	Ric7	a5	75		
16	Rc2	0b7	36	Rat	0b6	56	Rf7	14f7	76		
17	Rfcl	h6	37	2i5	0a6	57	Ra8	a4	77		
18	0f6	kh7	38	0c8	14h7	58	Ra4	g5	78		
19	Be7	Re1	39	0f3	kg7	59	Rb4	1c97	79		
20	b	Rc7	40	g4	14h7	60	ay	15	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wang Ying Luo			zheng jiantian			SSh					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/26

Group G8

Round 6

Board 3

WHITE zheng jiantian						FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Wang Ying Luo						FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	04	c5	21	Nd1	Bf8	41	f5	ab6	61	a5	h9
2	Nf3	g6	22	Nd3	ab6	42	fe	fe	62	ab	1c96
3	c3	Bg7	23	Nc5	Bg7	43	0c3	Rf7	63	q7	145
4	d4	cd	24	Nab	Bb95	44	b5	Rf8	64	a8-e4	j3
5	cd	d5	25	Rf1	Rb7	45	bc	Rf3	65	1c92	1c94
6	05	0g4	26	Nc5	Rc7	46	0b4	aab	66	0f8	144
7	Bb5	Nc6	27	f4	Be7	47	0b7	0b7	67	1c96	1c94
8	Bc6	bc	28	Rfcl	Bc5	48	cb	Rb3	68	Rb1	145
9	Nbd2	e6	29	Rc5	1c97	49	1c92	Rb3	69	Rh1	1c94
10	0a4	ad7	30	0a3	Rb7	50	0f7	148	70	1c93	
11	0-0	Nc7	31	0b2	0c7	51	Rc8	ab2	71		
12	h3	Bf3	32	0c3	0b6	52	1c91	Rb7	72		
13	Nf3	0-0	33	14h1	Rc7	53	Rf8	1c97	73		
14	Bb5	~~Ra8~~ Ra8	34	b4	Rb7	54	Rf8	Rf7	74		
15	Ra1	Rf8	35	a3	0a6	55	Ric7	05	75		
16	Rc2	0b7	36	Rat	0b6	56	Rf7	14f7	76		
17	Rfcl	h6	37	2i5	0a6	57	Ra8	a4	77		
18	0f6	kh7	38	0c8	14h7	58	Ra4	g5	78		
19	Be7	Re1	39	0f3	kg7	59	Rb4	1c97	79		
20	b	Rc7	40	g4	14h7	60	ay	15	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
zheng jiantian			Wang Ying Luo			SSh					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.26

Group G8
Round 6
Board 4

WHITE Wu, Shihua						FED CHN			RESULT (W) 0.5		
BLACK Oh, Yeram						FED KOR			RESULT (B) 0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ng2	Rd2	41	Kf4	h5	61		
2	c4	e6	22	b4	R5c2	42	f3	Kh6	62		
3	Nf3	Nf6	23	Ne3	Ra2	43	Kf5	Kh7	63		
4	g3	b6	24	Nc4	Re2	44	g4	Kh6	64		
5	Bg2	Bb7	25	Ke1	Re1	45	Kf4	g5	65		
6	cd	Bd5	26	Re1	Nd7	46	Kg3	Kg6	66		
7	Nc3	~~Re5~~	27	Rd1	b5	47	Kh3	h9	67		
8	~~d4~~	~~Bd5~~	28	Rd7	bc	48	fg	gh	68		
9	~~Bd5~~	Bb4	29	Ra7	C3	49	Kh4	Kh6	69		
10	Rd3	0-0	30	Kg2	e2	50	Kg3	Kg5	70		
11	0-0	Bc3	31	Rc7	Ra3	51	Kf3	f5	71		
12	Qc3	Nbd7	32	Rc2	Re8	52	g4	Kf5	72		
13	Rd4	h6	33	Re2	Rb8	53			73		
14	Bf4	Re8	34	Re5	Rb4	54			74		
15	Gd2	e5	35	Re8	Kh7	55			75		
16	Be3	Rc8	36	Re7	f6	56			76		
17	a3	Nc5	37	h4	Kg6	57			77		
18	Bc5	Rc5	38	Kf3	Rb5	58			78		
19	Nh4	Bg2	39	Re4	Rf5	59			79		
20	Rd8	Rd8	40	Rf4	Rf4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wu, Shihua			Oh, Yeram			S96					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/26

Group G08
Round 6
Board 4

WHITE Wu, Shihua						FED CHN			RESULT (W) 0.5		
BLACK Oh, Yeram						FED KOR			RESULT (B) 0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ng2	~~Rd2~~	41	Kf4	h5	61		
2	c4	e6	22	b4	Rc2	42	f3	Kh6	62		
3	Nf3	Nf6	23	Ne3	Ra2	43	Kf5	Kh7	63		
4	~~Bg2~~	b6	24	Nc4	Rc2	44	g4	Kh6	64		
5	~~Bg2~~	Bb7	25	Rae1	Rxe1	45	Kf4	g5	65		
6	Cd	Bd5	26	Rxe1	Nd7	46	Kg3	Kg6	66		
7	Nc3	C5	27	Rd1	b5	47	Kh3	h9	67		
8	dxc	Bxc5	28	Rxd7	bxc	48	fxc4	gxf	68		
9	Bg5	Bb4	29	Rxa7	C3	49	Kh6		69		
10	Qd3	0-0	30	Kg2	C2	50	Kg3	Kg5	70		
11	0-0	Bxc3	31	Rc7	Rxa3	51	Kf3	f5	71		
12	Qxc3	Nd7	32	Rxc2	Ra8	52	gxf	Kxf	72		
13	Qd5	h6	33	Rc2	Rb8	53			73		
14	Bf4	Re8	34	Rxe5	Rxb4	54			74		
15	Qd2	~~Bb5~~	35	Rb8	Kh7	55			75		
16	Bc3	Rc8	36	Re7	f6	56			76		
17	a3	Nc5	37	h4	Kg6	57			77		
18	~~Bc5~~	Rc5	38	Kf3	Rb5	58			78		
19	Nh4	Bg2	39	~~Re4~~	~~Rf5~~	59			79		
20	Cxd8	Rd8	40	Kf3	Rxf	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wu, Shihua			Oh, Yeram			S96					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/26

Group G08
Round 6
Board 5

WHITE Nomuundari Delgerdalai						FED MGL			RESULT (W) 1		
BLACK Tang, Yintong						FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Qxd3	Qb6	41	Qe2	Qg1	61	ab	Nd5
2	g3	g6	22	Qd2	Nd7	42	Qf1	Qh2	62	Bc4	Nc7
3	Bg2	Bg7	23	Rc2	Rbc8	43	Qh1	Qxh1	63	Kc3	Kc6
4	O-O	O-O	24	Rd4	Rc7	44	Bxh1	Nd5	64	Kb3	Kb6
5	d4	d5	25	Bxd5	Rec8	45	a3	Kt8	65	Ka4	Kc6
6	c4	c6	26	Bg2	e6	46	Ke2	Nc7	66	Ka5	Kb7
7	cd	cd	27	Qe2	c5	47	Kd3	Ke7	67	b5	Kb8
8	Nc3	Nc6	28	dc	Rxc5	48	Kc4	Kd6	68	Kb6	Na8
9	Bt4	Bt5	29	Rxc5	Rxc5	49	~~Rb7~~	~~Kb7~~	69	Kc6	Nc7
10	Qc1	Res	30	Rxc5	Qc5	50	Kc5	tb	70	bb	Na8
11	e3	Rc8	31	Qd1	Nt6	51	Be4	f5	71	Bxe6	Nxb6
12	Qd1	Nh5	32	h4	Kg7	52	BC6	Ke7	72	Kxb6	g5
13	Be5	Bxe5	33	Kt1	Qt5	53	Bb5	Nd5	73	hg	h4
14	Nxc5	Nt6	34	Ke2	Ng4	54	Kd4	Kd6	74	gh	Ka8
15	Nxc6	bc	35	f3	Nt6	55	Be2	Nc7	75	h5	Kb8
16	Rc1	Bd7	36	Qd3	Qd5	56	Bd3	Nd5	76	h6	Ka8
17	Na4	Rb8	37	f4	Qa1	57	e4	Nc7	77	h7	Kb8
18	b3	ap5	38	Qd2	Qg1	58	e5	Kc6	78	h8=R#	
19	Nc5	Bt5	39	Kt3	h5	59	Be2	Kb6	79		
20	Nd3	Bxd3	40	Qt2	Qd1	60	b4	ab	80		
SIGNATURE (WHITE) <i>Shan</i>			SIGNATURE (BLACK) Tang, Yintong			SIGNATURE (ARBITER) <i>CSH</i>					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.26

Group G8
Round 6
Board 5

WHITE Nomuundari						FED			RESULT (W) 1		
BLACK Tang, Yintong						FED			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nt6	21	Ed3	fb6	41	Be2	Fg1	61	ab	Nd5
2	g3	g6	22	Ed2	Nd7	42	Bt1	Bh2	62	Tc4	Nc7
3	Tg2	Tg7	23	Tc2	Tbcb8	43	Bh1	Bh1	63	Hc3	Hc6
4	O-O	O-O	24	Tfc1	Tcbx	44	Th1	Nd5	64	Hb3	Hb6
5	d4	d5	25	Te5	Tec8	45	a3	Ht8	65	Ha4	Hc6
6	c4	c6	26	Tg2	e6	46	He2	Nc7	66	Ha5	Hb7
7	cd	cd	27	Be2	c5	47	Hd3	Hex	67	b4-b8	Hb8
8	Nc3	Nc6	28	dc	Tpa5	48	Hc4	d6	68	Hb6	Na8
9	Tt4	Tt5	29	Tc5	Tc5	49	Tb7	Hd7	69	Hc6	Nc7
10	Bc1	Ta8	30	Tc5	Bc5	50	Hc5	f6	70	b6	Na8
11	e3	Tc8	31	Ed1	H4-Nt6	51	Te4	f5	71	Te6	Nb6
12	Ed1	Nh5	32	h4	Ht8	52	Tc6	He7	72	Hb6	g5
13	Te5	Te5	33	~~B-Ht1~~	fb5	53	Tb5	Nd5	73	hg	h4
14	Nt5	Nt8	34	Hc2	Ng4	54	Hd4	Hd6	74	gh	Hq8
15	Nt6	bc	35	f3	Nt6	55	Te2	Nc7	75	h5	Hb8
16	Tc1	Te7	36	Ed3	Be5	56	Td3	Nt5	76	h6	Ha8
17	Na4	Tb8	37	f4	Ba1	57	e4	Nt5	77	h7	Hb8
18	b3	Na5	38	Ed2	Bg1	58	e5	Hc6	78	h8 Tb#	
19	~~Te5~~	~~Te5~~	39	~~Ht2~~	h5	59	Te2	Hb6	79		
20	Nd3	Td3	40	Ed2	Ed1	60	b4	ab	80		
SIGNATURE (WHITE) <i>Shan</i>			SIGNATURE (BLACK) Tang, Yintong			SIGNATURE (ARBITER) <i>SSH</i>					

WHITE						FED MGL		RESULT (W)		1	
A normal 3rd line A.M.G.A.R. Source						FED VIE		RESULT (B)		0	
Huy nh Thanh Phu											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	ca.	ca.	21	8F4	9d5.	41	9b	94.	61		
2	dh.	15.	22	9d4.	46.	42	66.	93.	62		
3	ed.	cd.	23	9e4.	9d1	43	69.	92	63		
4	ca.	48.	24	9d1	922.	44	9d4.	952	64		
5	913	924.	25	9d5	9d5	45	9d1.	992.	65		
6	913	994.	26	915.	928.	46	982	929	66		
7	923	914	27	923.	927.	47	927.	928	67		
8	924.	913	28	929.	928	48	926.	925.	68		
9	924.	926	29	9d8.	928.	49	927.	928	69		
10	924.	926.	30	926	928	50	927#		70		
11	920	927.	31	927	928	51			71		
12	923	925.	32	927	924.	52			72		
13	924	925.	33	924	926	53			73		
14	924.	921	34	924.	926	54			74		
15	925	920	35	9d2	925.	55			75		
16	92d	927.	36	9d3	925.	56			76		
17	929.	928.	37	924	926	57			77		
18	926.	927	38	924.	927.	58			78		
19	923	920.	39	925.	927.	59			79		
20	924.	923	40	924	925	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
M. Macosca			Huy nh Thanh Phu			572					

WHITE Amgalsanburi BLACK Huỳnh Thanh Trúc						FED Mongol-b FED VIỆT NAM			RESULT (W) 1-0 - 1-0 RESULT (B) 1-0 - 1-0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Bf4	Ra6	41	axb5	a4	61		
2	d4	d5	22	Rbd1	h6	42	Bb6	a3	62		
3	exd5	cxd5	23	Re1	Rd1	43	B7	a1	63		
4	c4	Ne6	24	Rd1	g6	44	Bd4	a1-H	64		
5	Nc3	Nc6	25	Bd5	Qxd6	45	Ba1	Kg2 Kg7	65		
6	Nf3	Bg4	26	Bd5	Re8	46	Kf8=Q	Kf7	66		
7	Be3	Ne4	27	Be3	Re7	47	Bc7+	Kf8	67		
8	Be2	Nc3	28	Kf1	Kf8	48	Bf7	h5	68		
9	exbxc3	e6	29	Rd6	Re8	49	Be7+	Kg8	69		
10	Rb1	b6	30	Re8	Ke8	50	Ag7#		70		
11	O-O	Be7	31	Kf2	Ke7	51			71		
12	h3	Bh5	32	Kd3	Kd6	52			72		
13	cxd4	Qh5	33	Kd4	F6	53			73		
14	c4	Qd7	34	g4	g6	54			74		
15	d5	exd5	35	Bd7	g6	55			75		
16	cd	Bf3	36	a3	a5	56			76		
17	Bf3	Nd5	37	a4	Ke6	57			77		
18	d6	Qf3	38	Ke4	Ke7	58			78		
19	O-O	Qd7	39	Ke5	Kf7	59			79		
20	ed	Be7	40	Bd3	B5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			Truc			888					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26 Aug 2026

Group G08
Round 6
Board 7

WHITE Synie Tay sin En						FED S&P			RESULT (W) 0		
BLACK Hong Yi-fan						FED TPE			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Nd2	b5	41	Rd7	Ke8	61		
2	d4	d5	22	b3	O-O	42	Ra7	Rh4	62		
3	e5	c5	23	bxc4	Rfc8	43	Kc8	Rc4	63		
4	c3	Qc6	24	c5	Rxc5	44	Kd6	Nc1	64		
5	Nf3	Bg4	25	Rxc5	Rxc5	45	Rb7	Rd4	65		
6	Be2	e6	26	f4	Nd5	46	Kc6	h5	66		
7	h3	Oh5	27	Nd4	Rc4	47	Rxc7	Rc4	67		
8	Bd3	axd4	28	Nd6	Rxf4	48	Kd6	~~Rxc7~~ Rxc7	68		
9	Nxd4	Bxe2	29	g3	Rb4	49	Kxc7	b4	69		
10	Nxc6	Bxd1	30	Kd2	Rb2	50	Kd6	b3	70		
11	Nxd8	Rxd8	31	Kd3	Rxa2	51	Kxe6	b2	71		
12	Kxd1	a6	32	Rc1	h6	52	Kf1	b1=Q	72		
13	Bb6	Rc8	33	Rc8+	Kh7	53	e6	h4	73		
14	Nd2	Bc5	34	Nxf7	Ra8	54	e7	h3	74		
15	Bxc6	Rxc5	35	Ke4	Rxg3	55	Ke6	h2	75		
16	Nb3	Rc4	36	Rh8	Kg6	56	Kd6	h1=Q	76		
17	Na5	Ra7	37	Nxh6	Re3	57	Kc7	Kxe1	77		
18	Rc1	Ne7	38	Kd4	gxh6	58	Kc3	~~Qc6~~ Qc6	78		
19	Q4	b6	39	Rg8	Kf7	59			79		
20	Nb3	dxcl	40	Rd8	Rxh3	60			80		
SIGNATURE (WHITE) 			SIGNATURE (BLACK) 			SIGNATURE (ARBITER) 					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 15 Aug 2026

Group G08
Round 6
Board 7

WHITE Tay, sin En syrie						FED		RESULT (W) 0			
BLACK Hong Yi-Fan						FED		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Q4	c6	21	Nd2	b5	41	~~Rd7~~	~~Ke8~~	61		
2	d4	d5	22	b3	~~O-O~~	42	Ra7	Rh4	62		
3	e5	c5	23	bxc5	Rxc8	43	Kc5	Rc4	63		
4	c3	Nc6	24	c5	Rxc5	44	Kd6	Nc1	64		
5	Nf3	Bg4	25	Rxc5	Rxc5	45	~~Rd7~~	~~Rd4~~	65		
6	Be2	e6	26	f4	Nd5	46	Ke6	~~Rc4~~	66		
7	h3	Bh3	27	Ne4	Rc4	47	~~Rc4~~	~~Rc4~~	67		
8	Bd3	axd4	28	~~Nd6~~	~~Rxf4~~	48	~~Kd6~~	~~Rxc7~~	68		
9	~~Nxd4~~	Bxe2	29	g3	Rb4	49	~~Kxc7~~	b4	69		
10	Nxc6	~~Bxd1~~	30	Kd2	Rb2	50	Kd6	b3	70		
11	~~Nxd8~~	Rxd8	31	Kd3	Rxa2	51	Kxe6	b2	71		
12	Kxd1	a6	32	Rc1	h6	52	Kf5	bl=Q	72		
13	Bb6	Rc8	33	Rc8	Kh7	53	e6	h4	73		
14	Nd2	Bc5	34	~~Nxf7~~	~~Ra8~~	54	e7	h3	74		
15	Bxc6	Rxc5	35	Ke4	Rg3	55	Ke6	h2	75		
16	Nb3	Rc5	36	Rh8	Kg6	56	Kd6	h1=Q	76		
17	Na5	Rc7	37	Nxh6	Re3	57	Kc7	Kxe1	77		
18	Rc1	Ne7	38	Kd4	hxg6	58	Kc8	Qc6	78		
19	Q4	b6	39	Rg8	Kf7	59			79		
20	Nb3	~~dxcl~~	40	Rd8	Rxh3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			Hong Yi-Fan			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 28 AUG

Group G8
Round 6
Board 8

WHITE Lee Xin En Zoe						FED SGP			RESULT (W) 0		
BLACK Mohd Shahwul Annuar Nur Aara Daniel						FED MAS			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bf6	gxf6	41			61		
2			22	Qb3	Kh1	42			62		
3			23	Q4	Rg8	43			63		
4			24	Be2	Kh1	44			64		
5			25	Rd1		45			65		
6			26	Rd3	ed6	46			66		
7	e3	d6	27	g3	fs	47			67		
8	Bd3		28		f4	48			68		
9	Qc3	h6	29	Qe2	Qh4	49			69		
10	Bh4	Nbd7	30	Qf1	f3	50			70		
11	Be2	Qe7	31	h3	Rh5	51			71		
12	O-O	g5	32	Bg2	h2	52			72		
13			33	Qd2	Qd4	53			73		
14			34	Qh2	Qd4	54			74		
15	d5	Nc5	35	Qc3	Qd4	55			75		
16	a3	a4	36	Rc1	Rg3	56			76		
17	b4	Qb4	37	Kf1	Qd3	57			77		
18	Nb3	Nb3	38	Ke1	Rg1	58			78		
19	Qb3	Bc8	39	Qg1	Rg1	59			79		
20	Qb5	Rf7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
8			4			99h					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26/08/2026

Group G08
Round 6
Board 8

WHITE Lee Xin En Zoe						FED SGP			RESULT (W) 0		
BLACK Nur Aara						FED MAS			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bf6	gxf6	41			61		
2	c4	b6	22	Qb3	Kh8	42			62		
3	Nc3	Bb7	23	e4	Rg8	43			63		
4	Nf3	e6	24	Qe3	Kh7	44			64		
5	Bg5	Bb4	25	Rd1	Rg7	45			65		
6	Qc2	O-O	26	Rd3	Rg8	46			66		
7	e3	d6	27	g3	f5	47			67		
8	Bd3	Bxc3	28	Bf3	f4	48			68		
9	Qc3	h6	29	Qe2	Qh4	49			69		
10	Bh4	Nbd7	30	Qf1	f3	50			70		
11	Be2	Qe7	31	h3	Bh3	51			71		
12	O-O	g5	32	Bg2	Bg2	52			72		
13	Nd2	Rfe8	33	Qg2	Qg4	53			73		
14	Qc2	e5	34	Qh2	Qg2	54			74		
15	d5	Nc5	35	Rc3	Qd4	55			75		
16	a3	a4	36	Rc1	Rg3	56			76		
17	b4	Qb4	37	Kf1	Qd3	57			77		
18	Nxb3	Nxb3	38	Ke1	Rg1	58			78		
19	Qxb3	Bc8	39	Qg1	Rg1	59			79		
20	Qb5	Bd7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
8			4			99h					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26-8
2026

Group 608
Round 6
Board 9

WHITE Ng, Yan Ning						FED SCP			RESULT (W) 0		
BLACK Pongestika Nirmala Wening						FED INA			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rd1	Bb6	41	axb4	axb4	61		
2	Nf3	Nc6	22	Rcd1	Bb4	42	Kf5	b3	62		
3	Bc4	Bc5	23	Bg3	Ne5	43	Kg6	b2	63		
4	O-O	Nf6	24	Bxe5	fxe5	44	Kxg7	bl-a	64		
5	d4	exd4	25	h3	Bh5	45	Kxh6	Qh1	65		
6	e5	Ng8	26	g4	Bf7	46	g5	Qxh3+	66		
7	Bg5	Nge7	27	Nxe5	dx-e5	47	Kg7	Be4	67		
8	Re1	O-O	28	Rd8	Bd4	48	g6	Qh5	68		
9	c3	dx-c3	29	Rxe4+	Bxe8	49	Kg8	Qxg6+	69		
10	Nxc3	h6	30	Rc1	c5	50	Kh8	Qh2#	70		
11	Bh4	d6	31	a3	a5	51			71		
12	e6	f6	32	Kg2	Kg8	52			72		
13	Qd3	Kh8	33	Kf3	Kf7	53			73		
14	Nd5	Qe8	34	f4	Kxe7	54			74		
15	Nxe7	Nxe7	35	Kf3	Bc6+	55			75		
16	Qe4	Qg6	36	Kg3	b6	56			76		
17	Qxg6	Nxg6	37	b4	Bd3	57			77		
18	e7	Re8	38	Rc4	exf4+	58			78		
19	Bf7	Bf5	39	Rxf4	Bxf4	59			79		
20	Bxe8	Rxe8	40	Kxf4	Cxb4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			[Signature]			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26 Aug

Group 618
Round 6
Board 9

WHITE Ng, Yan Ning						FED SCP			RESULT (W) 0		
BLACK Wening, Pongestika Nirmala						FED INA			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rd1	Bb6	41	axb4	axb4	61		
2	Nf3	Nc6	22	Rcd1	Bg4	42	Kf5	b3	62		
3	Bc4	Bc5	23	Bg3	Ne5	43	Kg6	b2	63		
4	O-O	Nf6	24	Bxe5	fxe5	44	Kxg7	bl-a	64		
5	d4	exd4	25	h3	Bh5	45	Kxh6	Qh1	65		
6	e5	Ng8	26	g4	Bf7	46	g5	Qxh3+	66		
7	Bg5	Nge7	27	Nxe5	dx-e5	47	Kg7	Be4	67		
8	Re1	O-O	28	Rd8	Bd4	48	g6	Qh5	68		
9	c3	dx-c3	29	Rxe4+	Bxe8	49	Kg8	Qxg6+	69		
10	Nxc3	h6	30	Rc1	c5	50	Kh8	Qh2#	70		
11	Bh4	d6	31	a3	ab	51			71		
12	e6	f6	32	Kg2	Kg8	52			72		
13	Qd3	Kh8	33	Kf3	Kf7	53			73		
14	Nd5	Qe8	34	f4	Kxe7	54			74		
15	Nxe7	Nxe7	35	Kf3	Bc6+	55			75		
16	Qe4	Qg6	36	Kg3	b6	56			76		
17	Qxg6	Nxg6	37	b4	Bd3	57			77		
18	e7	Re8	38	Rc4	exf4+	58			78		
19	Bf7	Bf5	39	Rxf4	Bxf4	59			79		
20	Bxe8	Rxe8	40	Kxf4	Cxb4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			[Signature]			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

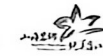


Date 8/26/2026

Group G 8
Round 6
Board 10

WHITE Kij Kamjai Kanonaphat											
BLACK Nishigawa Anna											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	axb4	Qb6	41	Re1	Rc7	61	Qc1+	Ka2
2	Nf3	Nc6	22	Ne3	Bxg3	42	Rxc7	Rxc7	62	Qd2+	Rb2
3	Nc3	Nf6	23	Qxg3	Qd4	43	Qe3+	Rc5	63	Qa5+	Kb3
4	Bb5	Bc5	24	Nf5	Bxf5	44	Qe7	Rc1+	64	Qb5+	Kc3
5	Nxe5	Nxe5	25	exf5	Ne4	45	Kh2	b4	65	Qc6+	Kd4
6	d4	Bd6	26	Bxc4	Qxe4	46	Qe3+	Rc5	66	Qa4+	Qc4
7	dxe5	Bxe5	27	f6	Qg6	47	Qb3	Kb5	67	Qa7+	Qo5
8	O-O	O-O	28	Qe3	Rd7	48	Qf3	Rc3	68	Qg7+	Qe5
9	Bg5	c6	29	Qb6	Rc8	49	Qb7+	Ka4	69	Qxc5+	Kxc5
10	Bd3	h6	30	Qab	Rc7	50	Qd7+	Ka3	70	Kg3	Rc2
11	Bh4	Qbb	31	fxc7	Kxg7	51	Qa7+	Kb2	71	Kf3	Re1
12	Rb1	d6	32	Rb3	Qxc2	52	Qd4	Kc2	72	g4	d5
13	h3	Be6	33	Rg3+	Kf6	53	Qxb4	Qe6	73	h4	d4
14	Qf3	Rd8	34	Qa1+	Ke7	54	Qa4+	Kb2	74	g5	hxc5
15	Bg3	a5	35	Re1+	Kd7	55	Qb4+	Rb3	75	L5	d3
16	Na4	Qb4	36	Qf6	c5	56	Qd2+	Kb1	76	h6	d2
17	Nc3	b5	37	Qxf7+	Kc6	57	Qc1+	Ka2	77	h7	d1=Q
18	a3	Qe5	38	Qf3+	Kb6	58	Qd2	Ka3	78	Kd7	Qh5
19	Nd1	Ra7	39	bxc5+	Rxc5	59	Qa5+	Kb2	79	f4+	gxf4
20	b4	axb4	40	Rg6	Qxg6	60	Qd2+	Ka1	80	Kf2	Qe2#
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Kannaphat				anna				SSH			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26/8/2026

Group G 8
Round 6
Board 10

WHITE Kannaphat, Kij Kamjai											
BLACK Nishigawa, Anna											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	axb4	Qb6	41	Re7	Rc7	61	Qc1	Ka2
2	Nf3	Nc6	22	Ne3	Bxg3	42	Rxc7	Rxc7	62	ad2	Rb2
3	Nc3	Nf6	23	Qxg3	Qd4	43	Qe3	Rc5	63	aa5	Kb3
4	Bb5	Bc5	24	Nf5	Bxf5	44	Qe7	Rc1	64	ab5	Kc3
5	Nxe5	Nxe5	25	exf5	Ne4	45	Kh2	b4	65	ac6	Kd4
6	d4	Bd6	26	Bc4	Qxe4	46	Qe3	Rc5	66	aa4	Qc4
7	dxe5	Bxe5	27	f6	Qg6	47	Qb3	Kb5	67	aa7	Qc5
8	O-O	O-O	28	Qe3	Rd7	48	Qf3	Rc3	68	ag7	Qe5
9	Bg5	c6	29	Qb6	Rc8	49	Qb7	Ka4	69	axc5	Kxc5
10	Bd3	h6	30	Qa6	Rdc7	50	Qd7	Ka3	70	kg3	Re2
11	Bh4	Qb6	31	fxc7	Kxg7	51	Qa3	Kb2	71	Kf3	Re2
12	Rb1	d6	32	Rb3	Qxc2	52	Qd4	Kc2	72	g4	d5
13	h3	Be6	33	Rg3	Kf6	53	Qxb4	Qe6	73	h4	d4
14	Qf3	Rd8	34	Qa1	Ke7	54	Qa4	Kb2	74	g5	hxc5
15	Bg3	a5	35	Re1	Kd7	55	Qb4	Rb3	75	h5	d3
16	Na4	Qb4	36	Qf6	c5	56	Qd2	Kb1	76	h6	d2
17	Nc3	b5	37	Qxf7	Kc6	57	Qd1	Ka2	77	h7	d1=Q
18	a3	Qe5	38	Qf3	Kb6	58	Qd2	Ka3	78	h7	Qh5
19	Nc3	Ra7	39	bxc5	Rxc5	59	Qa3	Kb2	79	f4	gxf4
20	b4	axb4	40	Rg6	Qxg6	60	Qd2	Ka1	80	kg2	Qe2#
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Kannaphat K.				anna				SSH			